

CHƯƠNG 9: ĐẦU TƯ

Mục A: Các quy định chung

Điều 9.1: Các định nghĩa

Trong Chương này:

Nguyên đơn là nhà đầu tư của một Bên và là một bên có tranh chấp đầu tư với Bên kia;

Khoản đầu tư được bảo hộ, đối với một Bên, là khoản đầu tư:

- (a) trên lãnh thổ của Bên đó;
- (b) thuộc sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp bởi nhà đầu tư của Bên kia;
- c) đã tồn tại từ ngày Hiệp định này có hiệu lực; hoặc được thành lập hoặc mua lại sau đó.

Các bên tranh chấp là nguyên đơn và bị đơn;

Doanh nghiệp là bất kì pháp nhân hoặc tổ chức khác được thành lập hoặc tổ chức phù hợp với pháp luật áp dụng, bao gồm công ty cổ phần, công ty tín thác, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, liên doanh, hiệp hội, tổ chức hoặc công ty;

Doanh nghiệp của một Bên là doanh nghiệp được thành lập hoặc tổ chức theo pháp luật của Bên đó và có hoạt động kinh doanh đáng kể trên lãnh thổ của Bên đó;

Đồng tiền tự do sử dụng là “đồng tiền tự do sử dụng” theo định nghĩa trong Thỏa thuận thành lập quỹ của Quỹ Tiền tệ quốc tế;

ICSID là Trung tâm quốc tế về Giải quyết tranh chấp đầu tư;

Quy tắc Phụ trợ ICSID là Quy tắc Điều chỉnh Cơ chế Phụ trợ về Tổ chức Tố tụng của Ban thư ký Trung tâm Quốc tế về Giải quyết các Tranh chấp đầu tư;

Công ước ICSID là Công ước về Giải quyết Tranh chấp Đầu tư giữa Nhà nước và công dân của Nước khác, làm tại Washington ngày 18/3/1965;

Khoản đầu tư là mọi tài sản, được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật của một Bên mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên đó, do nhà đầu tư sở hữu hoặc kiểm soát, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, có đặc điểm đầu tư như cam kết về vốn đầu tư hoặc các nguồn lực khác, kì vọng về lợi nhuận, hoặc gánh chịu rủi ro. Các hình thức đầu tư có thể bao gồm¹:

- (a) doanh nghiệp;
- (b) cổ phiếu, cổ phần và các hình thức góp vốn vào doanh nghiệp;
- (c) trái phiếu, trái khoán và các công cụ nợ khác;
- (d) khoản cho doanh nghiệp vay;
- (e) hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn và các sản phẩm tài chính phái sinh khác;
- (f) các quyền theo hợp đồng, bao gồm hợp đồng chia khoá trao tay, xây dựng, quản lý, sản xuất, hoặc phân chia doanh thu;
- (g) quyền đòi tiền và bất kì việc thực hiện hợp đồng nào có giá trị tài chính;
- (h) các quyền sở hữu trí tuệ và lợi thế thương mại;
- (i) nhượng quyền và các quyền tương tự được thực hiện theo quy định pháp luật luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm nhượng quyền để tìm kiếm, trích xuất hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên;
- (j) bất kì tài sản động sản hoặc bất động sản khác, và bất kì quyền tài sản liên quan như cho thuê, cầm cố, cầm giữ và thế chấp;

Nhằm giải thích rõ hơn, khoản đầu tư không bao gồm:

- (a) nợ công;

¹ Khoản đầu tư bao gồm các khoản tiền thu được từ việc đầu tư, cụ thể, lợi nhuận, tiền lãi, lãi vốn, cổ tức, tiền bản quyền và phí. Sự thay đổi về hình thức đầu tư vào tài sản không ảnh hưởng đến đặc tính như là một khoản đầu tư, với điều kiện là sự thay đổi đó được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật được áp dụng của một Bên mà khoản đầu tư được thực hiện trên lãnh thổ của Bên đó.

(b) quyền đòi tiền mà chỉ phát sinh từ các hợp đồng thương mại mua bán hàng hoá hoặc dịch vụ bởi thể nhân hoặc doanh nghiệp trong phạm vi lãnh thổ của một Bên cho một thể nhân hoặc doanh nghiệp trên phạm vi lãnh thổ của Bên kia ;

c) việc cấp tín dụng, bao gồm cả các khoản vay ngân hàng, liên quan đến giao dịch thương mại như tài trợ thương mại; và

(d) lệnh hoặc phán quyết được đưa ra trong một vụ kiện tư pháp hoặc hành chính, hoặc phán quyết trọng tài.

Nhà đầu tư của một Bên là:

a. liên quan đến Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

i. doanh nghiệp của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hoặc

ii. thể nhân là công dân Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và không là công dân hoặc người thường trú tại Nhà nước Israel; và

b. liên quan đến Nhà nước Israel:

i. doanh nghiệp của Nhà nước Israel; hoặc

ii. thể nhân là công dân hoặc người thường trú tại Nhà nước Israel và không phải là công dân Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

đã thực hiện, đang thực hiện hoặc chuẩn bị thực hiện đầu tư tại lãnh thổ của Bên khác;

quy phạm pháp luật liên quan đến một Bên là các luật, quy định và mệnh lệnh hành chính của Bên đó;

Công ước New York là Công ước về Công nhận và Thực thi Phán quyết của Trọng tài Nước ngoài, làm tại New York ngày 10/6/1958;

Bị đơn là Bên mà là một bên trong tranh chấp đầu tư;

Tổng Thư ký là Tổng Thư ký của Trung tâm ICSID;

Hiệp định TRIPS là Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ tại Phụ lục 1C của Hiệp định WTO;

Quy tắc Trọng tài UNCITRAL là quy tắc trọng tài của Ủy ban Luật Thương mại Quốc tế Liên hợp quốc, được sửa đổi năm 2010;

Điều 9.2: Phạm vi áp dụng

1. Chương này áp dụng đối với các biện pháp do một Bên ban hành hoặc duy trì liên quan đến:
 - (a) nhà đầu tư của Bên kia ;
 - (b) khoản đầu tư được bảo hộ.
2. Chương này không áp dụng đối với các biện pháp do một Bên ban hành hoặc duy trì liên quan đến dịch vụ tài chính.
3. Nhằm giải thích rõ hơn, Chương này không bắt buộc một Bên phải chịu trách nhiệm đối với các hành vi, sự kiện đã xảy ra hoặc một tình huống đã không tồn tại trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.
4. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Chương này và một Chương khác thì Chương khác đó sẽ được áp dụng đối với nội dung có sự không thống nhất, trừ quy định tại Điều 9.16 (Các biện pháp thuế).
5. Chương này không áp dụng đối với bất kì biện pháp nào liên quan đến việc tiến hành các quy trình chào thầu hoặc đấu thầu mua sắm chính phủ.
6. Nhằm giải thích rõ hơn, sự kiện thuận tuý về việc trợ cấp² hay cấp phát chưa được ban hành, gia hạn hay duy trì, hoặc được sửa đổi hay cắt giảm bởi một Bên không tạo ra vi phạm Chương này, kể cả trong trường hợp dẫn đến hậu quả thiệt hại đối với khoản đầu tư được bảo hộ.

Điều 9.3: Quyền đưa ra quy định

1. Vì mục đích của Hiệp định này, các Bên tái xác nhận quyền đưa ra quy định trong lãnh thổ của mình để đạt được mục tiêu chính sách hợp pháp, ví dụ như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc đạo đức xã hội, bảo vệ xã hội hoặc người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy

² Đối với Việt Nam, “ trợ cấp” bao gồm ưu đãi đầu tư, và hỗ trợ đầu tư chẳng hạn như hỗ trợ địa điểm sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động tăng cường năng lực cạnh tranh, như hỗ trợ công nghệ, nghiên cứu và phát triển, hỗ trợ pháp lý, thông tin thị trường và xúc tiến thị trường.

và bảo vệ đa dạng văn hoá, thông qua việc áp dụng một cách thiện chí các luật và quy định của các Bên.

2. Nhằm giải thích rõ hơn, sự kiện thuần túy về việc một Bên quy định, bao gồm cả việc sửa đổi luật của mình, theo cách thức gây ảnh hưởng tiêu cực đến khoản đầu tư hoặc cản trở kì vọng của nhà đầu tư, gồm cả kì vọng về lợi nhuận, không tạo ra vi phạm Hiệp định này.

Mục B: Không phân biệt đối xử và Tự do hóa đầu tư

Điều 9.4: Đối xử Quốc gia

1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình.
2. Mỗi Bên sẽ dành cho khoản đầu tư được bảo hộ theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho khoản đầu tư của nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ nước mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình.

Điều 9.5: Đối xử Tối huệ quốc

1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình.
2. Mỗi Bên sẽ dành cho khoản đầu tư được bảo hộ theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho khoản đầu tư của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình.
3. Nhằm giải thích rõ hơn, đối xử trong Điều này không bao gồm các định nghĩa hay bất kì thủ tục hoặc cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư, bao gồm các cơ chế, thủ tục tương tự quy định tại Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư).

4. Nhằm giải thích rõ hơn, các điều khoản nội dung trong các hiệp định đầu tư quốc tế và các hiệp định thương mại khác mà không kèm theo các biện pháp được một Bên thông qua hoặc duy trì theo các điều khoản đó, không cấu thành “sự đối xử”, và do đó không thể làm phát sinh vi phạm Điều khoản này.³

Điều 9.6: Yêu cầu thực hiện

1. Không Bên nào có thể, liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình của nhà đầu tư thuộc Bên khác, áp đặt hoặc thực thi bất cứ yêu cầu nào, hoặc thực thi bất cứ cam kết hay bảo đảm nào:

(a) về xuất khẩu một mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàng hoá hoặc dịch vụ;

(b) về đạt mức độ hoặc tỷ lệ nhất định hàm lượng nội địa;

(c) về mua, sử dụng, hoặc dành ưu đãi đối với hàng hoá sản xuất hoặc dịch vụ sản xuất tại lãnh thổ của mình, hoặc mua hàng hoá từ doanh nghiệp, thể nhân trên lãnh thổ của mình;

(d) ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với khoản đầu tư đó;

(e) hạn chế việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ trên lãnh thổ của mình mà khoản đầu tư đó sản xuất hoặc cung cấp thông qua việc ràng buộc bằng bất kỳ cách thức nào việc bán hàng hoá hoặc dịch vụ với số lượng hay giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ từ khoản đầu tư đó;

(f) về chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất, hay kiến thức độc quyền khác cho một thể nhân hoặc doanh nghiệp trên lãnh thổ của mình, ngoại trừ những hoạt động được thực hiện theo cách thức không trái với Hiệp định TRIPS.

2. Các quy định tại khoản 1 không ngăn cản một trong hai Bên đưa ra điều kiện hưởng hoặc tiếp tục hưởng ưu đãi, liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, duy trì, sử dụng, thụ hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư trên lãnh thổ của mình của nhà đầu tư thuộc Bên khác, trên cơ sở tuân thủ:

(a) bất kỳ yêu cầu nào ngoài các yêu cầu quy định tại điểm 1(b), 1(c), 1(d) và 1(e);

³ Nhằm giải thích rõ hơn, các Bên khẳng định lại cách hiểu của mỗi Bên rằng Điều này sẽ được giải thích theo nguyên tắc *ejusdem generis*.

- (b) yêu cầu đặt vị trí sản xuất, cung cấp hoặc mua dịch vụ, đào tạo hoặc sử dụng lao động, xây dựng hoặc mở rộng các cơ sở cụ thể hoặc thực hiện nghiên cứu và phát triển trong lãnh thổ của mình;
 - (c) các yêu cầu quy định tại điểm 1(b) và 1(c), khi các yêu cầu liên quan đến hàm lượng hàng hóa cần thiết để đủ điều kiện hưởng thuế quan ưu đãi hoặc hạn ngạch ưu đãi được áp đặt bởi một Bên nhập khẩu; và
3. Các điểm 1(a), 1(b) và 1(c) không áp dụng đối với các yêu cầu về chất lượng hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan đến xúc tiến xuất khẩu.
 4. Điểm 1(f) sẽ không áp dụng khi một yêu cầu được đặt ra hoặc cam kết được thực thi bởi tòa án tư pháp, tòa án hành chính hoặc cơ quan cạnh tranh để khắc phục một hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh đã được xác định;
 5. Điều này không ngăn cản việc thực thi bất kỳ sự cam kết hoặc yêu cầu nào giữa các bên tư nhân, trong đó một Bên không áp đặt hoặc yêu cầu sự cam kết hoặc yêu cầu đó.
 6. Nhằm giải thích rõ hơn, khoản 1 không áp dụng cho bất kỳ yêu cầu nào ngoài các yêu cầu được nêu trong khoản đó.

Điều 9.7: Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị

1. Không Bên nào có thể yêu cầu một doanh nghiệp của Bên đó, là khoản đầu tư được bảo hộ, phải bổ nhiệm thể nhân có quốc tịch nhất định vào vị trí quản lý cấp cao.
2. Mặc dù có khoản 1, một Bên có thể yêu cầu đa số hoặc ít hơn nhân sự của hội đồng quản trị, hoặc bất kỳ ủy ban nào thuộc hội đồng quản trị của doanh nghiệp của Bên đó là khoản đầu tư được bảo hộ, có quốc tịch của mình, hoặc thường trú tại lãnh thổ của mình, với điều kiện yêu cầu đó không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát khoản đầu tư của mình.

Điều 9.8: Các biện pháp không tương thích

1. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.6 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.7 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với:

(a) bất kỳ biện pháp hiện hành không tương thích được duy trì bởi một Bên tại:

(i) chính quyền trung ương, theo bảo lưu của Bên đó tại Biểu trong Phụ lục I của mình,

(ii) chính quyền địa phương;

(b) việc tiếp tục áp dụng hoặc gia hạn các biện pháp không tương thích nêu tại điểm (a); hoặc

(c) việc sửa đổi các biện pháp không tương thích nêu tại điểm (a), với điều kiện việc sửa đổi này không giảm mức độ tương thích của biện pháp đó, như đã tồn tại ngay trước thời điểm Hiệp định này có hiệu lực, với Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.6 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.7 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị).

2. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.6 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.7 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng đối với biện pháp mà một Bên ban hành hoặc duy trì đối với các ngành, phân ngành, hoặc hoạt động theo bảo lưu của Bên đó tại Biểu trong Phụ lục II của mình.

3. Không Bên nào, căn cứ các biện pháp ban hành sau ngày Hiệp định này có hiệu lực và thuộc phạm vi điều chỉnh tại Biểu trong Phụ lục II của mình, được yêu cầu nhà đầu tư của Bên khác vì lý do quốc tịch, phải bán hoặc từ bỏ theo cách khác đối với khoản đầu tư đã tồn tại vào thời điểm biện pháp đó có hiệu lực.

4. Các Bên xác nhận cách hiểu rằng, khi một ngành mới, không tồn tại vào thời điểm Hiệp định này có hiệu lực, xuất hiện ở một Bên sau khi Hiệp định này có hiệu lực và do đó, Bên đó mong muốn sửa đổi các Phụ lục của Chương này, các Bên sẽ, theo yêu cầu của Bên đó, ngay lập tức tham gia thảo luận nhằm sửa đổi các Phụ lục.

5. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc) không áp dụng với đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc phạm vi ngoại lệ hoặc miễn trừ đối với nghĩa vụ quy định tại Hiệp định TRIPS.

6. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), Điều 9.6 (Yêu cầu thực hiện) và Điều 9.7 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) không áp dụng với:

(a) bất kỳ biện pháp nào mà một Bên ban hành hoặc duy trì liên quan đến mua sắm chính phủ;

(b) các khoản trợ cấp hoặc hỗ trợ do một Bên cung cấp, bao gồm các khoản cho vay có hỗ trợ của chính phủ, bảo lãnh, và bảo hiểm.

Điều 9.9: Thủ tục riêng biệt và Yêu cầu thông tin

1. Không quy định nào tại Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) được hiểu là cản trở một Bên ban hành hoặc duy trì biện pháp tạo ra các thủ tục riêng biệt liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ, như yêu cầu khoản đầu tư được bảo hộ phải được thành lập hoặc đăng ký hợp pháp theo quy định pháp luật của Bên đó, với điều kiện những thủ tục đó không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo hộ mà một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ theo Chương này và không được sử dụng để trốn tránh các cam kết hoặc nghĩa vụ của Bên đó theo Chương này.
2. Mặc dù có Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) và Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), một Bên có thể yêu cầu nhà đầu tư của Bên kia hoặc khoản đầu tư được bảo hộ cung cấp thông tin liên quan đến đầu tư chỉ nhằm mục đích thống kê hoặc thông tin. Bên đó sẽ bảo vệ thông tin cần bảo mật để không bị tiết lộ làm ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư được bảo hộ.

Mục C: Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư

Điều 9.10: Phạm vi bảo hộ đầu tư

Mục này áp dụng đối với các nhà đầu tư của một Bên có khoản đầu tư được bảo hộ trên lãnh thổ của Bên kia và khoản đầu tư được bảo hộ của họ.

Điều 9.11: Đối xử đầu tư

1. Các khoản đầu tư được bảo hộ sẽ được dành sự đối xử công bằng, thỏa đáng và sự bảo hộ an toàn, đầy đủ trong lãnh thổ của Bên kia phù hợp với luật tập quán quốc tế được áp dụng.
2. Để rõ nghĩa hơn, “bảo hộ an toàn và đầy đủ” nghĩa là nghĩa vụ của một Bên phải hành động một cách hợp lý cần thiết để bảo vệ an toàn về vật chất của nhà đầu tư và khoản đầu tư được bảo hộ.
3. Để rõ nghĩa hơn, “bảo hộ an toàn và đầy đủ ” trong mọi trường hợp, không có nghĩa là sự bảo vệ của cảnh sát tốt hơn sự bảo vệ dành cho công dân của Bên nơi đầu tư đã được thực hiện.
4. Để rõ nghĩa hơn, một quyết định rằng đã có sự vi phạm điều khoản khác của Hiệp định này, hoặc của một hiệp định quốc tế khác, không cấu thành vi phạm Điều này.

Điều 9.12: Thiệt hại và bồi thường

1. Mặc dù có điểm 9.8(6)(b), mỗi Bên sẽ dành cho các nhà đầu tư của Bên kia bị tổn thất hoặc thiệt hại liên quan đến khoản đầu tư của họ trên lãnh thổ của mình do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang khác, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, khởi nghĩa, bạo loạn hoặc hoạt động tương tự khác trên lãnh thổ của mình, sự đối xử, liên quan đến hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc giải pháp khác không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho các nhà đầu tư của mình hay của bất kỳ nước thứ ba nào.

2. Mặc dù có khoản 1, nếu nhà đầu tư bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên khác phát sinh từ việc:
 - (a) trưng dụng tài sản của nhà đầu tư bởi các lực lượng hoặc chính quyền của Bên đó; hoặc
 - (b) phá huỷ tài sản của nhà đầu tư bởi lực lượng hoặc chính quyền của Bên đó, mà không phải là do hành động chiến đấu hoặc do tính thiết yếu của tình hình,Bên đó sẽ hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại thoả đáng cho nhà đầu tư.

3. Bất kỳ khoản thanh toán nào theo Điều này sẽ được thực hiện một cách hiệu quả, có thể tự do chuyển nhượng và tự do chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái thị trường thành các đồng tiền tự do sử dụng.

Điều 9.13: Tước quyền sở hữu và Bồi thường⁴

1. Một bên sẽ không tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá một khoản đầu tư được bảo hộ bất kể là trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các biện pháp tương đương với tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hoá (gọi là “tước quyền sở hữu”), trừ trường hợp:
 - (a) vì mục đích công cộng;
 - (b) khi thực hiện theo pháp luật của Bên đó;
 - (b) trên cơ sở không phân biệt đối xử;
 - (c) khi thực hiện cùng với bồi thường theo quy định tại khoản 2.

2. Việc bồi thường sẽ:
 - (a) được thanh toán không chậm trễ và bằng đồng tiền tự do sử dụng;

⁴ Điều này được giải thích theo Phụ lục 9A (Tước quyền sở hữu).

- (b) tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước khi việc tước quyền sở hữu xảy ra;
 - (c) không được phản ánh bất kỳ thay đổi về giá trị do việc tước quyền sở hữu dự kiến đã được biết trước; và
 - (d) có tính thanh khoản hữu hiệu và được chuyển đổi tự do;
 - (e) bao gồm tiền lãi tính theo lãi suất thương mại hợp lý cho đồng tiền đó, tính từ ngày tước quyền sở hữu cho tới ngày thanh toán.
3. Mặc dù có khoản 1 và 2, khi Việt Nam là Bên tước quyền sở hữu, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu trực tiếp nào liên quan đến đất đai phải:
- (a) vì mục đích phù hợp với pháp luật trong nước⁵; và
 - (b) được thanh toán bồi thường tuân theo xu hướng chung về giá trị thị trường của quyền sử dụng đất, đồng thời tính đến luật pháp trong nước được thực thi một cách thiện chí, theo cách không phân biệt đối xử và công bằng.
4. Không ảnh hưởng đến Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư), các nhà đầu tư bị ảnh hưởng sẽ có quyền, theo luật của Bên đưa ra quyết định tước quyền sở hữu, được nhanh chóng xem xét, bởi cơ quan tư pháp hoặc cơ quan độc lập khác của Bên đó, về tính hợp pháp của việc tước quyền sở hữu và định giá khoản đầu tư của họ, phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều này.
5. Điều này không áp dụng đối với việc cấp giấy phép bắt buộc liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với Hiệp định TRIPS, hoặc đối với việc thu hồi, hạn chế hoặc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, trong phạm vi mà việc cấp phép sử dụng, thu hồi, hạn chế hoặc xác lập quyền đó phù hợp với Hiệp định TRIPS.

Điều 9.14: Chuyển tiền⁶

1. Mỗi Bên sẽ cho phép chuyển tự do, không chậm trễ vào và ra ngoài lãnh thổ của mình mọi khoản tiền liên quan đến khoản đầu tư được bảo hộ. Việc chuyển tiền bao gồm:

⁵ Pháp luật trong nước là Luật Đất đai 2013 của Việt Nam và Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất, đã được sửa đổi vào ngày Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam

⁶ Để rõ nghĩa hơn, Phụ lục 9-B (Các biện pháp phòng vệ tạm thời) sẽ áp dụng cho Điều 9.14 (Chuyển tiền).

- (a) các khoản vốn góp, bao gồm vốn góp ban đầu và các khoản bổ sung để duy trì hoặc tăng khoản đầu tư;
 - (b) lợi nhuận, cổ tức, tiền lãi, lãi vốn, tiền bản quyền, phí quản lý, phí hỗ trợ kỹ thuật và các loại phí khác, hoặc thu nhập vãng lai khác tích lũy từ các khoản đầu tư được bảo hộ;
 - (c) các khoản thu từ việc bán, thanh lý toàn bộ hoặc một phần khoản đầu tư được bảo hộ;
 - (d) các khoản thanh toán theo một hợp đồng được ký kết bởi nhà đầu tư hoặc khoản đầu tư được bảo hộ, bao gồm các khoản thanh toán thỏa thuận vay;
 - (e) các khoản thanh toán theo Điều 9.12 (Thiệt hại và Bồi thường) và Điều 9.13 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường); và
 - (f) các khoản thanh toán phát sinh từ vụ tranh chấp được đề cập trong Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà Đầu tư).
2. Mỗi Bên cho phép chuyển các khoản tiền trên bằng đồng tiền tự do sử dụng theo tỷ giá thị trường tại thời điểm chuyển tiền.
3. Mặc dù có khoản 1 và 2, một Bên có thể ngăn cản hoặc trì hoãn việc chuyển tiền thông qua việc áp dụng các quy định pháp luật một cách công bằng, không phân biệt đối xử và thiện chí liên quan đến:
- (a) nộp thuế và lệ phí;
 - (b) phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc để bảo vệ quyền của chủ nợ;
 - (c) phát hành, kinh doanh, hoặc giao dịch chứng khoán, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hoặc các sản phẩm tài chính phái sinh;
 - (d) tội phạm hoặc vi phạm hình sự;
 - (e) báo cáo tài chính hoặc việc lưu giữ sổ sách về việc chuyển tiền khi cần thiết để hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan thuế hoặc quản lý tài chính; hoặc
 - (f) bảo đảm sự tuân thủ với lệnh hay phán quyết trong thủ tục tư pháp hoặc hành chính;
 - (g) an sinh xã hội, chế độ hưu trí công hoặc chương trình tiết kiệm bắt buộc.

Điều 9.15: Thế quyền

1. Nếu một Bên hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó thanh toán cho một trong các nhà đầu tư của mình dưới hình thức bảo đảm, hợp đồng bảo hiểm, hoặc các hình thức bồi thường khác mà Bên đó đã ký kết liên quan đến khoản đầu tư vào lãnh thổ của Bên kia, thì Bên kia sẽ thừa nhận:
 - (a) việc chuyển giao, cho Bên đó hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó, bất kỳ quyền hoặc yêu cầu nào của nhà đầu tư đối với khoản đầu tư đó, mà quyền đó là cơ sở hình thành khoản thanh toán đó; và
 - (b) quyền của Bên đó hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó thực hiện bằng cách thế quyền quyền hoặc yêu cầu đó trong phạm vi tương tự như quyền hoặc yêu cầu ban đầu của nhà đầu tư.
2. Nhằm giải thích rõ hơn, Bên đó hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó trong mọi trường hợp sẽ được hưởng:
 - (a) sự đối xử tương tự đối với các quyền và yêu cầu mà Bên đó hoặc cơ quan đó được chuyển giao nêu tại khoản 1; và
 - (b) các khoản thanh toán đến hạn tương tự theo các quyền và yêu cầu đó, như nhà đầu tư nêu tại khoản 1 có quyền nhận được theo Chương này liên quan đến khoản đầu tư.
3. Nếu một Bên hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó đã thanh toán cho nhà đầu tư của mình và đã tiếp nhận các quyền và yêu cầu của nhà đầu tư theo khoản 1, nhà đầu tư đó sẽ không, trừ khi được Bên đó hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó ủy quyền bằng văn bản để hành động thay mặt của Bên thực hiện thanh toán hoặc cơ quan được chỉ định của Bên đó, theo đuổi các quyền hoặc yêu cầu chống lại Bên kia. Khi thực hiện các quyền hoặc yêu cầu được thế quyền, Bên thực hiện các quyền hoặc yêu cầu đó hoặc cơ quan được chỉ định của họ phải cung cấp cho Bên kia bằng chứng về việc thế quyền hoặc chuyển giao quyền từ nhà đầu tư cho Bên đó hoặc cơ quan được chỉ định của mình =.
4. Trong quá trình thực hiện các quyền hoặc yêu cầu được thế quyền, một Bên hoặc cơ quan của Bên đó thực thi quyền hoặc yêu cầu đó phải công bố cho Bên liên quan phạm vi thỏa thuận chuyển quyền với các nhà đầu tư của mình.

Điều 9.16: Các biện pháp thuế⁷

1. Không có quy định nào trong Mục này làm phát sinh nghĩa vụ đối với các biện pháp thuế trừ khi được quy định rõ ràng tại khoản 3.
2. Không có quy định nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của một trong hai Bên theo bất kỳ công ước thuế nào. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Hiệp định này và bất kỳ công ước nào như vậy, công ước đó sẽ được ưu tiên áp dụng đối với nội dung có sự không thống nhất.
3. Điều 9.13 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) và 9.6 (Yêu cầu hoạt động) sẽ áp dụng cho các biện pháp thuế.

Điều 9.17: Từ chối lợi ích

1. Một Bên có thể từ chối dành lợi ích của Chương này đối với nhà đầu tư của Bên khác là doanh nghiệp của Bên khác đó và đối với các khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư đó nếu tổ chức, cá nhân của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định sở hữu hoặc kiểm soát doanh nghiệp và Bên từ chối:⁸

(a) không duy trì quan hệ ngoại giao với Bên không ký kết Hiệp định; hoặc

(b) áp dụng hoặc duy trì các biện pháp đối với Bên không ký kết Hiệp định hoặc chủ thể của Bên không ký kết Hiệp định mà biện pháp này cấm giao dịch với doanh nghiệp đó hoặc có thể bị vi phạm hay lẩn tránh nếu lợi ích của Chương này được dành cho doanh nghiệp đó hoặc các khoản đầu tư của doanh nghiệp đó.

2. Theo mục đích của Điều này, doanh nghiệp là:

(a) "được sở hữu" bởi một nhà đầu tư nếu hơn 50 phần trăm lợi ích vốn chủ sở hữu trong đó thuộc sở hữu có lợi của nhà đầu tư; và

(b) "bị kiểm soát" bởi một nhà đầu tư nếu nhà đầu tư có quyền chỉ định đa số giám đốc của mình hoặc bằng cách khác chỉ đạo về pháp lý đối với các hành động của doanh nghiệp đó.

⁷ Điều này sẽ được giải thích theo Phụ lục 9C(Thuế và Tước quyền sở hữu)

⁸ Nhằm giải thích rõ hơn, các lợi ích của Chương này có thể bị từ chối bởi một Bên, phù hợp với Điều này, bất cứ lúc nào, kể cả sau khi tổ chức tổ tụng trọng tài theo Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư).

Điều 9.18: Ngoại lệ chung

1. Mặc dù có Điều 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), không có quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là bắt buộc một Bên phải dành cho các nhà đầu tư của Bên kia và các khoản đầu tư được bảo hộ của họ những lợi ích của bất kỳ sự đối xử nào phát sinh từ:

(a) bất kỳ hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư quốc tế song phương hoặc đa phương nào đã được ký kết trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.

(b) bất kỳ liên minh thuế quan, hiệp định khu vực thương mại tự do, thị trường chung, liên minh kinh tế hoặc thỏa thuận quốc tế tương tự trong hiện tại hoặc tương lai, mà một trong hai Bên là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên, theo nghĩa "liên minh thuế quan" hoặc "khu vực thương mại tự do" được quy định tại Điều XXIV của GATT 1994 và Điều V của GATS; hoặc

(c) bất kỳ thỏa thuận song phương hoặc đa phương hiện tại hoặc tương lai nào liên quan đến sở hữu trí tuệ.

2. Theo các yêu cầu rằng các biện pháp này không được áp dụng một cách tùy tiện hoặc không chính đáng, và không cấu thành một hạn chế trá hình đối với thương mại và đầu tư quốc tế, không có quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là ngăn cản một Bên ban hành, duy trì, thực thi các biện pháp bao gồm các biện pháp môi trường mà Bên đó cho là cần thiết:

(a) để bảo vệ tính mạng hoặc sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;

(b) để bảo vệ đạo đức công cộng hoặc duy trì trật tự công cộng; với điều kiện là biện pháp này chỉ có thể được viện dẫn khi một mối đe dọa thực sự và đủ nghiêm trọng được đặt ra đối với một trong những lợi ích cơ bản của xã hội;

(c) đảm bảo an toàn;

(d) bảo vệ bảo vật quốc gia có giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ;

(e) bảo tồn các nguồn tài nguyên sinh vật hoặc tài nguyên thiên nhiên khác có thể bị cạn kiệt, với điều kiện là các biện pháp đó được thực hiện có hiệu quả cùng với các hạn chế đối với sản xuất hoặc tiêu dùng trong nước; hoặc

(f) đảm bảo tuân thủ pháp luật mà không trái với các quy định của Chương này, bao gồm các quy định liên quan đến:

(i) việc ngăn chặn các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để đối phó với các tác động của việc vi phạm hợp đồng; và

(ii) bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân liên quan đến việc xử lý và phổ biến dữ liệu cá nhân và bảo vệ tính bảo mật của hồ sơ và tài khoản cá nhân.

2. Không có quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản các Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp hợp lý vì những lý do thận trọng, bao gồm:

(a) việc bảo hộ các nhà đầu tư, người gửi tiền, chủ hợp đồng bảo hiểm, người yêu cầu trả bảo hiểm, cũng như những người tham gia thị trường tài chính hoặc những người mà tổ chức tài chính có nghĩa vụ nhận ủy thác;

(b) việc duy trì sự an toàn, lành mạnh, liêm chính hoặc trách nhiệm tài chính của các tổ chức tài chính; và

(c) bảo đảm tính liêm chính, ổn định của hệ thống tài chính của một Bên.

Các biện pháp này sẽ được thực hiện một cách thiện chí và sẽ không được sử dụng như là phương tiện để tránh các cam kết hoặc nghĩa vụ của một Bên theo Hiệp định này.

Mục D : Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư

Điều 9.19: Tham vấn và thương lượng

1. Trong trường hợp có tranh chấp đầu tư, nguyên đơn và bị đơn trước hết nên tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua tham vấn và thương lượng, có thể bao gồm việc sử dụng các thủ tục không bắt buộc, có sự tham gia của bên thứ ba.

2. Nguyên đơn phải gửi cho bị đơn một văn bản yêu cầu tham vấn nêu rõ:

a. tên và địa chỉ của nguyên đơn và khoản đầu tư được bảo hộ của nguyên đơn;

b. bản chất của khiếu kiện, bao gồm biện pháp hoặc các biện pháp bị cáo buộc vi phạm các quy định của Chương này, và bản mô tả tóm tắt về các sự kiện liên quan đến biện pháp hoặc các biện pháp nêu trên;

c. các yêu cầu khắc phục và ước tính mức thiệt hại yêu cầu bồi thường; và

d. các chỉ dẫn và các tài liệu hỗ trợ chứng minh rằng nguyên đơn là nhà đầu tư của Bên kia và nhà đầu tư đó sở hữu hoặc kiểm soát khoản đầu tư được bảo hộ liên quan đến yêu cầu tham vấn đã được đệ trình.

4. Nhằm giải thích rõ hơn, việc bắt đầu tham vấn và thương lượng sẽ không được hiểu là sự công nhận thẩm quyền của tòa trọng tài.

Điều 9.20: Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài

1. Trong trường hợp tranh chấp đầu tư không thể được giải quyết bằng tham vấn và thương lượng theo Điều 9.19 (Tham vấn và thương lượng) trong vòng sáu tháng kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu bị đơn tham vấn và thương lượng bằng văn bản, nguyên đơn chỉ có thể, nhân danh chính mình, đệ trình lên trọng tài theo Điều này khiếu kiện rằng:

(a) Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo:

i. Mục C (Khuyến khích và Bảo hộ đầu tư); hoặc

ii. Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia), 9.5 (Đối xử Tối huệ quốc), 9.7 (Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị) và 9.6 (Yêu cầu thực hiện) liên quan đến việc quản lý, duy trì, sử dụng, hưởng hoặc định đoạt các khoản đầu tư, và

(b) nguyên đơn đã phải chịu tổn thất hoặc thiệt hại bởi nguyên nhân hoặc do phát sinh từ vi phạm đó.

2. Nhằm giải thích rõ hơn, nguyên đơn chỉ có thể đệ trình khiếu kiện liên quan đến khoản đầu tư như được định nghĩa trong Điều 9.1 (Các định nghĩa).

3. Phạm vi khiếu kiện nêu tại khoản 1 không được vượt quá giá trị tiền tệ của tổn thất hoặc thiệt hại gây ra cho nhà đầu tư do vi phạm nêu tại khoản 1.

4. Ít nhất 90 ngày trước khi đệ trình bất kỳ khiếu kiện nào lên trọng tài theo Mục này, nguyên đơn phải gửi cho bị đơn một thông báo bằng văn bản về ý định trình khiếu kiện lên trọng tài (thông báo ý định). Thông báo phải nêu rõ:

(a) tên và địa chỉ của nguyên đơn và khoản đầu tư được bảo hộ của nguyên đơn;

(b) đối với mỗi khiếu kiện, quy định tại Mục C (Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư) bị cáo buộc là đã bị vi phạm và bất kỳ điều khoản liên quan nào khác;

- (c) cơ sở pháp lý và thực tế của từng khiếu kiện; và
 - (d) các yêu cầu khắc phục và ước tính mức thiệt hại yêu cầu bồi thường;
 - (e) chỉ dẫn và các tài liệu hỗ trợ chứng minh rằng nguyên đơn là nhà đầu tư của Bên kia và nhà đầu tư đó sở hữu hoặc kiểm soát khoản đầu tư được bảo hộ liên quan đến yêu cầu tham vấn đã được đệ trình.
5. Với điều kiện là sáu tháng đã trôi qua kể từ khi nguyên đơn yêu cầu bị đơn tham vấn và thương lượng bằng văn bản, nguyên đơn có thể đệ trình khiếu kiện được đề cập trong khoản 2 lên trọng tài:
- (a) theo Công ước ICSID, với điều kiện cả hai Bên đều là thành viên của Công ước ICSID;
 - (b) theo Quy tắc Phụ trợ của ICSID, với điều kiện là một trong hai Bên, nhưng không phải cả hai, là thành viên của Công ước ICSID;
 - (c) theo Quy tắc Trọng tài UNCITRAL; hoặc
 - (d) nếu các bên tranh chấp đồng ý, theo bất kỳ tổ chức trọng tài hoặc quy tắc trọng tài nào khác.
6. Nguyên đơn phải cung cấp cùng với thông báo trọng tài:
- (a) tên của trọng tài mà nguyên đơn chỉ định; hoặc
 - (b) chấp thuận bằng văn bản của nguyên đơn về việc Tổng thư ký chỉ định trọng tài đó.
7. Khiếu kiện được coi là đệ trình lên trọng tài theo quy định tại Điều này khi nguyên đơn có thông báo hoặc yêu cầu trọng tài:
- (a) nêu tại khoản 1 Điều 36 của Công ước ICSID được Tổng thư ký ICSID tiếp nhận;
 - (b) được đề cập trong Điều 2 của Phụ lục C của Quy tắc phụ trợ ICSID được Tổng thư ký ICSID tiếp nhận;
 - (c) được đề cập đến Điều 3 của Quy tắc Trọng tài UNCITRAL, cùng với tuyên bố khiếu kiện được đề cập trong Điều 20 của Quy tắc Trọng tài UNCITRAL, được nhận bởi bị đơn; hoặc

(d) theo bất kỳ tổ chức trọng tài hoặc quy tắc trọng tài nào khác được lựa chọn theo khoản 3 (d) được nhận bởi bị đơn, trừ khi có quy định khác của tổ chức đó hoặc trong các quy tắc đó.

Một khiếu kiện được khẳng định bởi nguyên đơn lần đầu sau khi thông báo trọng tài đó được gửi sẽ được coi là đệ trình lên trọng tài theo Điều này vào ngày nhận được theo các quy tắc trọng tài được áp dụng.

Điều 9.21: Chấp thuận của các Bên về Trọng tài

1. Mỗi Bên chấp thuận việc đệ trình khiếu kiện ra trọng tài theo Điều này phù hợp với Chương này.
2. Nguyên đơn phải gửi chấp thuận theo các thủ tục quy định tại Mục này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện theo Điều 9.20 (Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài).
3. Việc chấp thuận tại khoản 1 và 2 và việc đệ trình khiếu kiện ra trọng tài theo Điều này sẽ được coi là đáp ứng các yêu cầu của:

(a) Chương II của Công ước ICSID hoặc Quy tắc phụ trợ ICSID về chấp thuận bằng văn bản của các bên; và

(b) Điều II của Công ước New York về một thỏa thuận bằng văn bản.

Điều 9.22: Điều kiện và hạn chế đối với chấp thuận của mỗi Bên

1. Không có khiếu nại nào được đệ trình lên trọng tài theo Điều này nếu quá ba năm trôi qua kể từ ngày nguyên đơn lần đầu tiên biết, hoặc phải biết về vi phạm bị cáo buộc theo khoản 1 Điều 9.20 (Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài) và biết về việc nguyên đơn đã phải chịu tổn thất hoặc thiệt hại.
2. Không có khiếu kiện nào có thể được đệ trình lên trọng tài theo Mục này trừ khi:

(a) nguyên đơn đồng ý bằng văn bản với trọng tài theo thủ tục quy định tại Điều này;

(b) thông báo trọng tài được gửi kèm theo, đối với các khiếu nại được đệ trình lên trọng tài theo Điều 9.20 (Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài), cùng với văn bản khước từ của nguyên đơn về bất kỳ quyền khởi kiện hoặc tiếp tục vụ kiện nào, trước bất kỳ tòa án hành chính hoặc tòa án nào theo luật của một trong hai Bên, hoặc các thủ tục giải quyết tranh chấp khác, bao gồm cả các thủ tục trong các hiệp định song phương hoặc đa phương khác mà cả hai

Bên đều là thành viên, bất kỳ thủ tục tố tụng nào liên quan đến đối tượng khiếu nại của mình hoặc bất kỳ biện pháp nào bị cáo buộc cấu thành vi phạm nêu tại Điều 9.20 (Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài); và

(c) không có bản án hoặc phán quyết nào được đưa ra về chủ đề của tranh chấp đó liên quan đến bất kỳ biện pháp nào bị cáo buộc cấu thành vi phạm nêu tại khoản 2 Điều 9.20 (Đệ trình khiếu kiện ra Trọng tài) trước bất kỳ tòa án hành chính hoặc tòa án nào theo pháp luật của một trong hai Bên, các thủ tục giải quyết tranh chấp khác hoặc theo các cơ chế nêu tại điểm (b).

Điều 9.23: Lựa chọn trọng tài

1. Trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác, hội đồng trọng tài sẽ gồm 3 trọng tài, mỗi trọng tài sẽ do các bên tranh chấp chỉ định và trọng tài thứ ba là trọng tài chủ tọa, sẽ do các bên tranh chấp thống nhất chỉ định.
2. Tổng Thư ký thực thi quyền chỉ định trọng tài theo Mục này. Nếu Tổng Thư ký là công dân của một trong hai Bên hoặc công dân của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định mà không duy trì quan hệ ngoại giao với một trong hai Bên hoặc bị ngăn cản thực hiện chức năng nói trên, thì Phó Tổng thư ký sẽ được mời để thực hiện việc chỉ định.
3. Nếu hội đồng trọng tài không được thành lập trong vòng 90 ngày sau ngày khiếu kiện được trình ra trọng tài theo Mục này, Tổng Thư ký, theo yêu cầu của một bên tranh chấp, sẽ chỉ định theo lựa chọn của mình trọng tài hoặc các trọng tài chưa được chỉ định. Tổng Thư ký sẽ không chỉ định công dân của một trong hai Bên làm trọng tài chủ tọa trừ khi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.
4. Trọng tài không được là công dân của các quốc gia không có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên ký kết.

Điều 9.24: Địa điểm trọng tài

1. Nguyên đơn và bị đơn có thể thỏa thuận về địa điểm trọng tài.
2. Nếu nguyên đơn và bị đơn không đạt được thỏa thuận về địa điểm trọng tài, hội đồng trọng tài sẽ xác định địa điểm trọng tài với điều kiện:
 - (a) địa điểm nằm trong khu vực của một Bên hoặc trong khu vực của một bên không phải là Bên ký kết Hiệp định nhưng là thành viên của Công ước New York;

(b) địa điểm trọng tài được xác định phù hợp với các quy tắc trọng tài được áp dụng.

Điều 9.25: Địa điểm xét xử và ngôn ngữ tố tụng

1. Nguyên đơn và bị đơn có thể thỏa thuận về địa điểm xét xử theo các quy tắc trọng tài được áp dụng.
2. Nếu nguyên đơn và bị đơn không đạt được thỏa thuận về địa điểm xét xử, hội đồng trọng tài sẽ quyết định địa điểm xét xử, với điều kiện:
 - (a) địa điểm xét xử được xác định phù hợp với các quy tắc trọng tài được áp dụng;
 - (b) hội đồng trọng tài đã xem xét lợi ích của cả hai bên tranh chấp liên quan đến gánh nặng tài chính của thủ tục trọng tài; và
 - (c) nếu địa điểm được xác định nằm trong lãnh thổ của một Bên không phải là Bên ký kết Hiệp định thì đó sẽ là một Bên không phải là Bên ký kết Hiệp định mà cả hai Bên có quan hệ ngoại giao.
3. Trừ khi nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận khác, ngôn ngữ tố tụng của thủ tục tố tụng sẽ là tiếng Anh.
4. Bất kỳ ngôn ngữ hoặc các ngôn ngữ nào được chọn theo khoản 3 sẽ được thực hiện theo các quy tắc trọng tài được áp dụng.

Điều 9.26: Điều hành của trọng tài

1. Trong thủ tục trọng tài theo Mục này, bị đơn sẽ không biện hộ, kiện ngược, sử dụng quyền giảm trừ hoặc bất kỳ lý do khác dựa trên cơ sở nguyên đơn đã nhận hoặc sẽ nhận tiền bồi hoàn hay các khoản bồi thường khác đối với toàn bộ hoặc một phần thiệt hại bị cáo buộc theo hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo lãnh.
2. Trừ khi các bên tranh chấp đã đồng ý với một thủ tục quyết định nhanh khác để đưa ra các phản đối sơ bộ, quốc gia tranh chấp có thể, không muộn hơn 30 ngày sau khi thành lập Hội đồng trọng tài, và trong bất kỳ trường hợp nào trước phiên họp đầu tiên của Hội đồng trọng tài, đệ trình đơn phản đối đơn khiếu kiện với lý do đơn khiếu kiện rõ ràng không có giá trị pháp lý. Quốc gia tranh chấp đó phải đưa ra cơ sở của việc phản đối ở mức chính xác nhất có thể được. Hội đồng trọng tài, sau khi cho các bên tranh chấp cơ hội trình bày quan điểm về đơn phản đối, tại phiên họp đầu tiên hoặc ngay sau đó, thông báo cho các bên tranh chấp về quyết định của mình đối với đơn phản đối. Quyết định của Hội đồng trọng tài sẽ không

ảnh hưởng đến quyền của Bên là bên tranh chấp được nộp đơn phản đối thẩm quyền của Hội đồng trọng tài hoặc phản đối, trong quá trình tố tụng, rằng một khiếu kiện không có giá trị pháp lý.

3. Hội đồng trọng tài có thể ra lệnh thực hiện biện pháp bảo đảm chi phí theo đề xuất của Bị đơn. Hội đồng trọng tài sẽ đặc biệt xem xét yêu cầu bảo đảm chi phí khi có lý do để tin rằng:

(a) nguyên đơn sẽ không thể thanh toán, nếu được yêu cầu làm như vậy, một phần phí luật sư hợp lý và các chi phí khác cho Bên là bên tranh chấp; hoặc

(b) nhà đầu tư đã thoái vốn tài sản để tránh hậu quả của tố tụng trọng tài.

Nếu nhà đầu tư không trả tiền bảo đảm chi phí do Hội đồng trọng tài yêu cầu trong khoảng thời gian do Hội đồng trọng tài ấn định, Hội đồng trọng tài có thể ra lệnh đình chỉ hoặc chấm dứt thủ tục tố tụng trọng tài.

Điều 9.24: Tài trợ của Bên thứ ba

1. Nhà đầu tư sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho bên tranh chấp kia và hội đồng trọng tài để tiết lộ tên và địa chỉ của bất kỳ bên không tham gia tranh chấp nào khác mà nhà đầu tư, trực tiếp hoặc gián tiếp, đã nhận tài trợ của bên đó để theo đuổi hoặc biện hộ cho vụ kiện thông qua quyền góp hoặc trợ cấp, hoặc đổi lại thù lao phụ thuộc vào kết quả của thủ tục tố tụng ("tài trợ bên thứ ba"). Nếu bên không tham gia tranh chấp cung cấp tài chính đó là một pháp nhân, thông báo sẽ bao gồm tên của những người và tổ chức sở hữu và kiểm soát pháp nhân đó.

2. Nhà đầu tư sẽ gửi thông báo được đề cập trong khoản 1 sau khi nộp Yêu cầu trọng tài hoặc ngay khi ký kết thỏa thuận tài trợ của bên thứ ba nếu ký kết thỏa thuận tài trợ sau khi nộp Yêu cầu trọng tài. Nhà đầu tư phải thông báo ngay cho Hội đồng Trọng tài và bên tranh chấp khác về bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin trong thông báo.

3. Hội đồng Trọng tài có thể yêu cầu tiết lộ thêm thông tin liên quan đến thỏa thuận tài trợ và bên không cung cấp tài trợ.

Điều 9.28: Luật điều chỉnh

1. Theo khoản 3, khi một khiếu kiện được đệ trình theo Mục này, trọng tài sẽ quyết định các vấn đề tranh chấp theo Chương này và các quy tắc được áp dụng của luật pháp quốc tế, đồng

thời xem xét, như một vấn đề về tình tiết thực tế, bất kỳ luật trong nước có liên quan nào của Bên tranh chấp.⁹

2. Hội đồng trọng tài sẽ không có thẩm quyền xác định tính hợp pháp của một biện pháp, bị cáo buộc là vi phạm Chương này, theo luật trong nước của một Bên.
3. Trong trường hợp viện dẫn đến Hiệp định TRIPS được đưa ra trong thủ tục trọng tài theo Mục này, hội đồng trọng tài sẽ xem xét cách giải thích liên quan trong các báo cáo của ban hội thẩm và Cơ quan phúc thẩm của WTO được Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO thông qua về các quyền hoặc nghĩa vụ tương đương đáng kể của Các bên theo Hiệp định TRIPS, hoặc hiệp ước đa phương khác về sở hữu trí tuệ.
4. Khi có những lo ngại nghiêm trọng liên quan đến giải thích hiệp định có thể ảnh hưởng đến các vấn đề liên quan đến Mục này, các Bên có thể ban hành, bất cứ lúc nào, các giải thích chung về các điều khoản của Hiệp định này. Bất kỳ giải thích nào như vậy sẽ ràng buộc đối với Hội đồng trọng tài.
5. Nhằm giải thích rõ hơn, Hội đồng trọng tài sẽ bị ràng buộc bởi các diễn giải luật trong nước do các tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền giải thích luật trong nước liên quan đưa ra, và bất kỳ ý nghĩa nào mà Hội đồng trọng tài đưa ra đối với luật trong nước có liên quan sẽ không được ràng buộc đối với tòa án và cơ quan có thẩm quyền của một trong hai Bên.

Điều 9.29: Phán quyết

1. Khi hội đồng trọng tài đưa ra phán quyết cuối cùng chống lại bị đơn, hội đồng trọng tài có thể phán quyết:
 - (a) thiệt hại bằng tiền và lãi suất được áp dụng;
 - (b) hoàn trả tài sản, trong trường hợp đó, phán quyết sẽ quy định rằng bị đơn có thể trả các thiệt hại bằng tiền và bất kỳ khoản lãi suất được áp dụng nào, thay cho việc hoàn trả; hoặc
 - (c) cả hai.
2. Hội đồng trọng tài cũng có thể phán quyết về chi phí và phí luật sư theo Mục này và các quy tắc trọng tài được áp dụng. Theo yêu cầu của Bị đơn, phán quyết sẽ chỉ định tài khoản chuyển tiền hoặc người phải bồi thường.

⁹ Nhằm giải thích rõ hơn, một Bên không được viện dẫn các quy định của pháp luật trong nước để biện minh cho việc không thực hiện Chương này.

3. Không ảnh hưởng đến khoản 2 và quyền của nguyên đơn khiếu nại rằng họ không được bồi thường thỏa đáng, giá trị bằng tiền của phán quyết được đưa ra theo khoản 1 sẽ không lớn hơn tổn thất mà nhà đầu tư phải gánh chịu do vi phạm được xác định bởi hội đồng trọng tài, được khấu trừ bởi bất kỳ thiệt hại hoặc bồi thường nào đã được trả trước đó liên quan đến cùng một tranh chấp thực tế. Đối với việc tính toán thiệt hại bằng tiền, Hội đồng Trọng tài sẽ tính đến bất kỳ khoản hoàn trả tài sản nào hoặc việc bãi bỏ hoặc sửa đổi biện pháp, hoặc các yếu tố giảm nhẹ khác.
4. Hội đồng trọng tài không được đưa ra phán quyết các thiệt hại mang tính trừng phạt.
5. Phán quyết do trọng tài đưa ra sẽ không có hiệu lực ràng buộc ngoại trừ giữa các bên tranh chấp và đối với vụ kiện cụ thể đó.
6. Phù hợp với các quy tắc trọng tài và thủ tục xem xét lại được áp dụng đối với phán quyết tạm thời, một bên tranh chấp phải tuân thủ phán quyết ngay lập tức.
7. Mỗi Bên sẽ thực hiện việc thi hành phán quyết trên lãnh thổ của mình.
8. Một bên tranh chấp có thể yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài theo Công ước ICSID hoặc Công ước New York.

Mục E: Các Điều khoản cuối cùng

Điều 9.30: Thời hạn và chấm dứt

Đối với các khoản đầu tư được thực hiện trong thời gian Hiệp định này có hiệu lực, các quy định của các Mục A (Các quy định chung), C (Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư) và D (Giải quyết Tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) của Chương này và các quy định có liên quan của Chương 1 (Các quy định ban đầu và định nghĩa chung) và Chương 11 (Ngoại lệ) sẽ tiếp tục có hiệu lực đối với các khoản đầu tư đó trong thời hạn mười (10) năm sau ngày chấm dứt Hiệp định này trừ khi các Bên có thỏa thuận khác sau đó.

Phụ lục 9A: Tước quyền sở hữu

Các Bên xác nhận cách hiểu chung rằng:

1. Một hành động hoặc một loạt hành động của một Bên không tạo ra việc tước quyền sở hữu trừ trường hợp tác động đến quyền sở hữu tài sản hữu hình hoặc vô hình hoặc lợi ích tài sản trong một khoản đầu tư.

2. Tước quyền sở hữu có thể trực tiếp hoặc gián tiếp:

(a) tước quyền sở hữu trực tiếp xảy ra khi khoản đầu tư bị quốc hữu hóa hoặc bị tước quyền sở hữu trực tiếp thông qua chuyển giao chính thức quyền sở hữu hoặc tước đoạt hoàn toàn; và

(b) tước quyền sở hữu gián tiếp xảy ra nếu một biện pháp hoặc một loạt biện pháp do một Bên thực hiện gây hậu quả tương tự như tước quyền sở hữu trực tiếp, mà nó tước đoạt đáng kể từ nhà đầu tư thuộc tính cơ bản của tài sản trong khoản đầu tư đó, bao gồm quyền sử dụng, thụ hưởng và định đoạt khoản đầu tư của mình, mà không phải chuyển giao chính thức quyền sở hữu hoặc tước đoạt hoàn toàn.

3. Việc xác định xem một biện pháp hay một loạt biện pháp do một Bên thực hiện, trong một tình huống thực tế, có phải là tước quyền sở hữu gián tiếp không, cần đánh giá theo từng trường hợp cụ thể, dựa trên tình tiết thực tế, trong đó có tính đến, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các yếu tố sau:

(a) tác động kinh tế của biện pháp hoặc một loạt biện pháp, mặc dù việc một biện pháp hoặc một loạt biện pháp của một Bên có ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị kinh tế của một khoản đầu tư, thì riêng việc đó không đủ cơ sở để xác định việc tước quyền sở hữu gián tiếp đã xảy ra;

(b) thời hạn của biện pháp hoặc một loạt biện pháp của một Bên;

(c) mức độ mà biện pháp hoặc một loạt biện pháp tác động vào kỳ vọng hợp lý, rõ ràng căn cứ vào đầu tư¹⁰ và

¹⁰ Kỳ vọng căn cứ vào đầu tư của nhà đầu tư hợp lý hay không phụ thuộc vào các yếu tố, trong phạm vi liên quan, như Chính phủ có dành cho nhà đầu tư bảo đảm bằng văn bản có giá trị bắt buộc không, đặc tính và mức độ của quy định quản lý hay khả năng điều tiết của Chính phủ trong lĩnh vực liên quan.

(d) đặc điểm của biện pháp hoặc một loạt biện pháp, đặc biệt là đối tượng, bối cảnh và ý định của chúng.

4. Nhằm giải thích rõ hơn, trừ một số trường hợp hãn hữu khi tác động của một biện pháp hoặc một loạt biện pháp là đặc biệt nghiêm trọng sau khi xét thấy mục đích của chúng rõ ràng là vượt mức cần thiết, các biện pháp không phân biệt đối xử của một Bên được thiết lập và áp dụng nhằm bảo vệ các mục tiêu phúc lợi công cộng hợp pháp, chẳng hạn như sức khỏe, an toàn và môi trường, không cấu thành tước quyền sở hữu gián tiếp.

Phụ lục 9B: Các biện pháp phòng vệ tạm thời

1. Một Bên có thể áp dụng hoặc duy trì các biện pháp hạn chế thanh toán hoặc chuyển tiền đối với các giao dịch liên quan đến các khoản đầu tư:
 - (a) trong trường hợp cán cân thanh toán bị ảnh hưởng nghiêm trọng và gặp khó khăn hoặc nguy cơ khó khăn về tài chính đối ngoại; hoặc
 - (b) trong trường hợp hãn hữu khi việc di chuyển vốn gây ra hoặc có nguy cơ gây ra khó khăn nghiêm trọng về quản lý kinh tế vĩ mô, cụ thể là chính sách tiền tệ và tỷ giá hối đoái.
2. Các biện pháp hạn chế nêu tại khoản 1 sẽ:
 - (a) được áp dụng theo cách mà Bên kia được đối xử không kém thuận lợi hơn bất kỳ Bên không phải bên ký kết Hiệp định;
 - (b) phù hợp với các *Điều khoản của Hiệp định thành lập Quỹ Tiền tệ Quốc tế*;
 - (c) không vượt quá những biện pháp cần thiết để giải quyết các trường hợp quy định tại khoản 1;
 - (d) áp dụng tạm thời và dỡ bỏ dần khi tình trạng nêu tại các khoản 1 được cải thiện;
 - (e) tránh những thiệt hại không cần thiết đối với lợi ích thương mại, kinh tế và tài chính của Bên kia.
3. Bên đã áp dụng bất kỳ biện pháp nào quy định tại khoản 1 sẽ thông báo cho Bên kia càng sớm càng tốt về các biện pháp đã áp dụng và lộ trình dự kiến cho việc dỡ bỏ các biện pháp đó.

Phụ lục 9C: Thuế và Tước quyền sở hữu

Việc xác định liệu một biện pháp thuế, trong một tình huống thực tế cụ thể, có cấu thành việc tước quyền sở hữu hay không đòi hỏi đánh giá dựa trên thực tế, theo từng trường hợp cụ thể trong đó xem xét tất cả các yếu tố liên quan đến khoản đầu tư, bao gồm các yếu tố được liệt kê trong Phụ lục 9A (Tước quyền sở hữu) và các yếu tố sau:

- (a) Việc áp thuế nói chung không cấu thành việc tước quyền sở hữu. Chỉ riêng việc đưa ra một biện pháp thuế mới hoặc áp dụng biện pháp thuế ở nhiều khu vực tài phán đối với một khoản đầu tư nói chung không cấu thành việc tước quyền sở hữu;
- (b) Một biện pháp thuế phù hợp với các chính sách, nguyên tắc và thông lệ thuế được quốc tế công nhận không cấu thành việc tước quyền sở hữu. Cụ thể, biện pháp đánh thuế nhằm ngăn chặn việc trốn, lẩn tránh các biện pháp đánh thuế nói chung không cấu thành việc tước quyền sở hữu;
- (c) Một biện pháp thuế được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử, trái ngược với biện pháp thuế nhắm vào các nhà đầu tư thuộc một quốc tịch cụ thể hoặc vào những người nộp thuế cụ thể, ít có khả năng cấu thành tước quyền sở hữu; và
- (d) Một biện pháp thuế nói chung không cấu thành việc tước quyền sở hữu nếu nó đã có hiệu lực khi khoản đầu tư được thực hiện và thông tin về biện pháp này được công khai.

PHỤ LỤC 9D

Đệ trình khiếu kiện lên Trọng tài đối theo khoản 2(b) và 2(c) Điều 9.22 (Điều kiện và hạn chế chấp thuận của mỗi Bên)

1. Một nhà đầu tư của Nhà nước Israel sẽ không đệ trình lên trọng tài theo Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư) khiếu kiện rằng Việt Nam đã vi phạm nghĩa vụ theo Mục B (Không phân biệt đối xử và Tự do hóa đầu tư) hoặc theo mục C (Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư), nếu nhà đầu tư đã cáo buộc về vi phạm nghĩa vụ theo Mục B (Không phân biệt đối xử và Tự do hóa đầu tư) hoặc theo mục C (Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư) trong bất kỳ thủ tục tố tụng nào tại tòa án tư pháp hoặc hành chính của Việt Nam.
2. Nhằm giải thích rõ hơn, khi một nhà đầu tư của Nhà nước Israel đưa ra cáo buộc rằng Việt Nam đã vi phạm nghĩa vụ theo Mục B (Không phân biệt đối xử và Tự do hóa đầu tư) hoặc theo mục C (Khuyến khích và Bảo hộ Đầu tư) tại tòa án tư pháp hoặc hành chính của Việt Nam, sự lựa chọn đó là cuối cùng và nhà đầu tư sau đó không được đệ trình khiếu kiện ra trọng tài theo Mục D (Giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và Nhà đầu tư).
3. Mặc dù có các điểm 2 (b) và 2 (c) Điều 9.22 (Điều kiện và hạn chế chấp thuận của mỗi Bên), nguyên đơn có thể khởi kiện hoặc tiếp tục một hành động tìm kiếm biện pháp khẩn cấp tạm thời không liên quan đến việc thanh toán thiệt hại bằng tiền trước tòa án tư pháp hoặc hành chính theo pháp luật của bị đơn, với điều kiện là hành động được đưa ra với mục đích duy nhất là bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trong thời gian chờ trọng tài.